

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN

PHÒNG KHẢO THÍ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
2	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	C25QT1		8,0	Tám, Không	
4	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
5	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
6	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
7	2310100018	Nguyễn Nhất Khang	06/10/2005	C25QT1				
8	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
9	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	C25QT1		8,0	Tám, Không	
10	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
11	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
12	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
13	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
14	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
15	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005	C25QT1		8,0	Tám, Không	
16	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
17	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
18	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
19	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
20	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
21	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
22	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
23	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
24	2310100016	Huỳnh Hoa Thùy Tiên	17/08/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
25	2310100026	Trần Thị Thùy Tiên	16/10/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	
26	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Không	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005	C25QT1		7.0	Bảy, Khg	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 1 . Số bài thi: 26 / 26 .

Ngày 21 tháng 8 năm 2025

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

1. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Phú Hòa

Nguyễn Tiến Đạt



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
2	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
3	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	C25QT1		8,0	Tám, không	
4	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	C25QT1		7,0	Bảy, không	
5	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
6	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
7	2310100018	Nguyễn Nhất Khang	06/10/2005	C25QT1				
8	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
9	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	C25QT1		8,0	Tám, không	
10	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
11	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	C25QT1		9,0	Chín, không	
12	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
13	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
14	2310100022	Son Thị Sa Rây	18/03/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
15	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005	C25QT1		8,0	Tám, không	
16	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
17	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/2/2002	C25QT1		7,0	Bảy, không	
18	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
19	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
20	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	C25QT1		7,0	Bảy, không	
21	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
22	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
23	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
24	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
25	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	
26	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	C25QT1		7,0	Bảy, không	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
27	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005	C25QT1		7,0	Bảy, Khuyết	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 26 vắng thi: 1. Số bài thi: 26 / 26.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Đạt





BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cẩm	16/07/2004	C25QT2	<u>Cam</u>	7,0	Bảy, không
2	2310100044	Hồ Như	Huỳnh	15/02/2005	C25QT2	<u>Huỳnh</u>	7,0	Bảy, không
3	2310100064	Cao Thị Ngọc	Linh	11/02/2005	C25QT2	<u>Linh</u>	7,0	Bảy, không
4	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005	C25QT2	<u>Linh</u>	7,0	Bảy, không
5	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005	C25QT2	<u>Linh</u>	7,0	Bảy, không
6	2310100066	Phạm Thị Yến	Linh	31/05/2005	C25QT2	<u>Linh</u>	7,0	Bảy, không
7	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	Nga	29/11/2005	C25QT2	<u>Nga</u>	7,0	Bảy, không
8	2310100053	Hoàng Thị Tú	Nhi	20/08/2004	C25QT2	<u>Nhi</u>	7,0	Bảy, không
9	2310100042	Hữu Thị Hồng	Nhi	15/02/2005	C25QT2	<u>Nhi</u>	9,5	Chín, năm
10	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	Phát	02/06/2005	C25QT2	<u>Phát</u>	7,0	Bảy, không
11	2310100052	Phạm Thị Diễm	Phước	26/11/2005	C25QT2	<u>Phước</u>	7,0	Bảy, không
12	2310100062	Phạm Tiến	Quân	01/09/2005	C25QT2	<u>Quân</u>	8,0	Tám, không
13	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quyen	26/07/2005	C25QT2	<u>Quyen</u>	7,0	Bảy, không
14	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005	C25QT2	<u>Thảo</u>	7,0	Bảy, không
15	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005	C25QT2	<u>Thủy</u>	7,0	Bảy, không
16	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005	C25QT2	<u>Trung</u>	7,0	Bảy, không
17	2310100056	Nguyễn Nhựt	Trường	06/02/2005	C25QT2	<u>Trường</u>	9,0	Chín, không
18	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004	C25QT2	<u>Tuyết</u>	6,5	Sáu, năm
19	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005	C25QT2	<u>Tùng</u>	7,0	Bảy, không
20	2310100041	Lê Thị Cẩm	Tú	21/03/2005	C25QT2	<u>Tú</u>	7,0	Bảy, không
21	2310100059	Lê Triệu	Vy	05/02/2005	C25QT2	<u>Vy</u>	7,0	Bảy, không

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 01 . Số bài thi: 20 / 20 .

Ngày 20 tháng 8 năm 2025.

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Đình Dũng

TRƯỜNG CĐBC CÔNG NGHỆ VÀ QTDN BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cẩm	16/07/2004	C25QT2	<i>Can</i>	7,0	Bảy, Khơ	
2	2310100044	Hồ Như	Huỳnh	15/02/2005	C25QT2	<i>Huỳnh</i>	7,0	Bảy, Khơ	
3	2310100064	Cao Thị Ngọc	Linh	11/02/2005	C25QT2	<i>Linh</i>	7,0	Bảy, Khơ	
4	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh	Linh	16/11/2005	C25QT2	<i>Linh</i>	7,0	Bảy, Khơ	
5	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương	Linh	27/07/2005	C25QT2	<i>Phu</i>	7,0	Bảy, Khơ	
6	2310100066	Phạm Thị Yến	Linh	31/05/2005	C25QT2	<i>Linh</i>	7,0	Bảy, Khơ	
7	2310100067	Huỳnh Bạch Kiều	Nga	29/11/2005	C25QT2				
8	2310100053	Hoàng Thị Tú	Nhi	20/08/2004	C25QT2	<i>Nhi</i>	7,0	Bảy, Khơ	
9	2310100042	Hữu Thị Hồng	Nhi	15/02/2005	C25QT2	<i>Nhi</i>	7,0	Bảy, Khơ	
10	2310100061	Hà Nguyễn Tấn	Phát	02/06/2005	C25QT2	<i>Phat</i>	7,0	Bảy, Khơ	
11	2310100052	Phạm Thị Diễm	Phước	26/11/2005	C25QT2	<i>Phuoc</i>	7,0	Bảy, Khơ	
12	2310100062	Phạm Tiến	Quân	01/09/2005	C25QT2	<i>Quen</i>	8,0	Tám, Khơ	
13	2310100057	Nguyễn Thị Phương	Quyên	26/07/2005	C25QT2	<i>Quyên</i>	7,0	Bảy, Khơ	
14	2310100054	Phùng Thị Thanh	Thảo	30/05/2005	C25QT2	<i>Thao</i>	7,0	Bảy, Khơ	
15	2310100065	Bành Thị Thanh	Thủy	28/01/2005	C25QT2	<i>Thuy</i>	7,0	Bảy, Khơ	
16	2310100063	Đào Văn	Trung	29/06/2005	C25QT2	<i>Trung</i>	7,0	Bảy, Khơ	
17	2310100056	Nguyễn Nhật	Trường	06/02/2005	C25QT2	<i>Truong</i>	9,0	Chín, Khơ	
18	2310100058	Nguyễn Thị Hồng	Tuyết	28/10/2004	C25QT2	<i>Tuyet</i>	8,0	Tám, Khơ	
19	2310100047	Phạm Văn	Tùng	13/11/2005	C25QT2	<i>Tung</i>	7,0	Bảy, Khơ	
20	2310100041	Lê Thị Cẩm	Tú	21/03/2005	C25QT2	<i>Tu</i>	7,0	Bảy, Khơ	
21	2310100059	Lê Triệu	Vy	05/02/2005	C25QT2	<i>Vy</i>	7,0	Bảy, Khơ	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 20 vắng thi: 1 . Số bài thi: 20 / 20 .

Ngày 29 tháng 8 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100089	Nguyễn Huỳnh Ngọc Duy	16/05/2005	C25QT3	Duy	7,0	Bảy, không	
2	2310100084	Phạm Cẩm Đạt	15/12/2003	C25QT3	Đạt	7,0	Bảy, không	
3	2310040043	Phan Xuân Khôi	02/11/2005	C25QT3	Khôi	9,0	Chín, không	
4	2310100082	Đinh Thị Xuân Nghi	07/06/2005	C25QT3	Nghi	7,0	Bảy, không	
5	2310100079	Nguyễn Khánh Ngọc	01/12/2005	C25QT3	Ngọc	7,0	Bảy, không	
6	2310100073	Nguyễn Thị Kim Ngọc	10/07/2005	C25QT3	Ngọc	7,0	Bảy, không	
7	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết Ngọc	18/12/2004	C25QT3	Ngọc	7,0	Bảy, không	
8	2310100080	Đặng Trần Hoàng Phước	12/11/1999	C25QT3	Phước	6,0	Sáu, không	
9	2310100075	Nguyễn Đình Quý	28/01/2004	C25QT3	Quý	7,0	Bảy, không	
10	2310100083	Trừ Thị Cẩm Tiên	17/02/2005	C25QT3	Tiên	7,0	Bảy, không	
11	2310100081	Hồ Bảo Trân	10/06/2005	C25QT3	Trân	6,0	Sáu, không	
12	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	02/12/2005	C25QT3	Trinh	6,0	Sáu, không	
13	2310100077	Nguyễn Thị Thanh Vy	15/05/2005	C25QT3	Vy	7,0	Bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 0 Số bài thi: 13 / 13

Ngày 21 tháng 8 năm 2025

Ngày 20 tháng 8 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Nguyễn Tiến Dũng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG NGHỆ VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

**PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG**

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2310100089	Nguyễn Huỳnh Ngọc	Duy	16/05/2005	C25QT3		7,0	Bảy, Không	
2	2310100084	Phạm Cẩm	Đạt	15/12/2003	C25QT3		7,0	Bảy, Không	
3	2310040043	Phan Xuân	Khôi	02/11/2005	C25QT3		9,0	Chín, Không	
4	2310100082	Đinh Thị Xuân	Nghi	07/06/2005	C25QT3		7,0	Bảy, Không	
5	2310100079	Nguyễn Khánh	Ngọc	01/12/2005	C25QT3		7,0	Bảy, Không	
6	2310100073	Nguyễn Thị Kim	Ngọc	10/07/2005	C25QT3		7,0	Bảy, Không	
7	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết	Ngọc	18/12/2004	C25QT3		7,0	Bảy, Không	
8	2310100080	Đặng Trần Hoàng	Phước	12/11/1999	C25QT3		6,0	Sáu, Không	
9	2310100075	Nguyễn Đình	Quý	28/01/2004	C25QT3		7,0	Bảy, Không	
10	2310100083	Trừ Thị Cẩm	Tiên	17/02/2005	C25QT3		7,0	Bảy, Không	
11	2310100081	Hồ Bảo	Trân	10/06/2005	C25QT3		6,0	Sáu, Không	
12	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương	Trinh	02/12/2005	C25QT3		6,0	Sáu, Không	
13	2310100077	Nguyễn Thị Thanh	Vy	15/05/2005	C25QT3		7,0	Bảy, Không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 13 vắng thi: 0 Số bài thi: 13 / 13.

Ngày 29 tháng 8 năm 2025.

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Dũng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100034	Phạm Thành	Đạt	08/09/2004	C24QT3				
2	2210100086	Đặng Văn	Hòa	29/03/2004	C24QT3	<i>Đặng Văn</i>	7,0	<i>Bảy, Bảy</i>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ Số bài thi: _____

Ngày: 21 tháng 8 năm 2025.

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày: 20 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Văn Dũng

TRƯỜNG CAO ĐẲNG ĐC CÔNG NGHỆ &
PHÒNG KHẢO THÍ VÀ
BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Đạt	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100034	Phạm Thành	Đạt	08/09/2004	C24QT3				
2	2210100086	Đặng Văn	Hòa	29/03/2004	C24QT3	<i>Đặng Văn</i>	7,0	3/4, 1/4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
 - Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : 1 vắng thi: 1 . Số bài thi: 1 / 1 .

Ngày 29 tháng 8 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hòa
 Trần Thị Hòa

Ngày 28 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Tiến Dũng
 Nguyễn Tiến Dũng



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy Ái	18/09/2004	C24QT6		7.0	Bảy, không	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi : _____ vắng thi: _____ Số bài thi: _____ / _____.

Ngày... tháng... năm... 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Ngày... tháng... năm... 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Dý

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng - (04010)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Mã lớp	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Ghi chú
1	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy Ái	18/09/2004	C24QT6	<i>[Signature]</i>	7,0	<i>Đạt, k.g</i>	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 1 vắng thi: 0 . Số bài thi: 1 / 1 .Ngày 19 tháng 8 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Thị HoaNgày 18 tháng 8 năm 2025

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Tiến Dũng

PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO
VÀ BẢO ĐAM CHẤT LƯỢNG

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Giám thị 1: Trần Văn Long

Ký tên: _____

Mã lớp học phần: 25111MH110404801

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Nguyễn Tiến Dũng

Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 4

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100086	Đặng Văn Hòa	29/03/2004					C24QT3	
2	2310100044	Hồ Như Huỳnh	15/02/2005					C25QT2	
3	2310040043	Phan Xuân Khôi	02/11/2005					C25QT3	
4	2310100064	Cao Thị Ngọc Linh	11/02/2005					C25QT2	
5	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	16/11/2005					C25QT2	
6	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005					C25QT2	
7	2310100066	Phạm Thị Yến Linh	31/05/2005					C25QT2	
8	2310100082	Đinh Thị Xuân Nghi	07/06/2005					C25QT3	
9	2310100079	Nguyễn Khánh Ngọc	01/12/2005					C25QT3	
10	2310100073	Nguyễn Thị Kim Ngọc	10/07/2005					C25QT3	✓
11	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết Ngọc	18/12/2004					C25QT3	✓
12	2310100053	Hoàng Thị Tú Nhi	20/08/2004					C25QT2	✓
13	2310100042	Hữu Thị Hồng Nhi	15/02/2005					C25QT2	
14	2310100061	Hà Nguyễn Tấn Phát	02/06/2005					C25QT2	
15	2310100052	Phạm Thị Diễm Phước	26/11/2005					C25QT2	
16	2310100057	Nguyễn Thị Phương Quyên	26/07/2005					C25QT2	
17	2310100054	Phùng Thị Thanh Thảo	30/05/2005					C25QT2	
18	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005					C25QT2	
19	2310100083	Trừ Thị Cẩm Tiên	17/02/2005					C25QT3	
20	2310100081	Hồ Bảo Trân	10/06/2005					C25QT3	✓
21	2310100085	Nguyễn Ngọc Phương Trinh	02/12/2005					C25QT3	✓
22	2310100063	Đào Văn Trung	29/06/2005					C25QT2	
23	2310100056	Nguyễn Nhựt Trường	06/02/2005					C25QT2	
24	2310100058	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	28/10/2004					C25QT2	
25	2310100047	Phạm Văn Tùng	13/11/2005					C25QT2	
26	2310100041	Lê Thị Cẩm Tú	21/03/2005					C25QT2	
27	2310100059	Lê Triệu Vy	05/02/2005					C25QT2	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
28	2310100077	Nguyễn Thị Thanh Vy	15/05/2005					C25QT3	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 24 vắng thi: 04 Số bài thi/Số tờ: 24 / 24.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày...7...tháng...11...năm...2025

TRƯỜNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa

Ngày...6...tháng...11...năm...2025

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Việt Dũng



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: Hành vi tổ chức

Mã bài thi: E4PNW2

Thời gian thi: 06/11/2025 13:30:00

Thời gian kết thúc: 06/11/2025 14:30:00

Giám thị 1: OV Long Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: NT Dung Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100086	Đặng Văn Hòa	29/03/2004	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C24QT3	
2	2310100044	Hồ Như Huỳnh	15/02/2005	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT2	
3	2310040043	Phan Xuân Khôi	02/11/2005	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT3	
4	2310100045	Huỳnh Ngọc Khánh Linh	16/11/2005	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT2	
5	2310100055	Nguyễn Ngọc Phương Linh	27/07/2005	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C25QT2	
6	2310100064	Cao Thị Ngọc Linh	11/02/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C25QT2	
7	2310100066	Phạm Thị Yến Linh	31/05/2005	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C25QT2	
8	2310100082	Đinh Thị Xuân Nghi	07/06/2005	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C25QT3	
9	2310100079	Nguyễn Khánh Ngọc	01/12/2005	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C25QT3	
10	2310100091	Phạm Hoàng Tuyết Ngọc	18/12/2004	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C25QT3	
11	2310100042	Hữu Thị Hồng Nhi	15/02/2005	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C25QT2	
12	2310100061	Hà Nguyễn Tân Phát	02/06/2005	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C25QT2	
13	2310100052	Phạm Thị Diễm Phước	26/11/2005	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT2	
14	2310100057	Nguyễn Thị Phương Quyên	26/07/2005	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C25QT2	
15	2310100054	Phùng Thị Thanh Thảo	30/05/2005	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT2	
16	2310100065	Bành Thị Thanh Thủy	28/01/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C25QT2	
17	2310100083	Trừ Thị Cẩm Tiên	17/02/2005	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C25QT3	
18	2310100063	Đào Văn Trung	29/06/2005	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C25QT2	
19	2310100056	Nguyễn Nhật Trường	06/02/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C25QT2	
20	2310100041	Lê Thị Cẩm Tú	21/03/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C25QT2	
21	2310100047	Phạm Văn Tùng	13/11/2005	<u>[Signature]</u>	5.2	Năm, hai	C25QT2	
22	2310100058	Nguyễn Thị Hồng Tuyết	28/10/2004	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C25QT2	
23	2310100059	Lê Triệu Vy	05/02/2005	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C25QT2	
24	2310100077	Nguyễn Thị Thanh Vy	15/05/2005	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 24

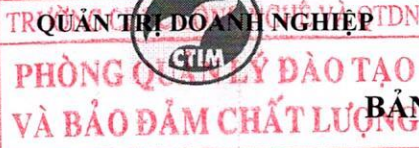
Số sinh viên đạt: 24

Ngày 7 tháng 11 năm 2025
P. TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Trần Phú Hòa

Ngày 6 tháng 11 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Tấn Đạt



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2025-2026

Môn học : Hành vi tổ chức - MH1104048

Giám thị 1: Trương Thị Ngọc Thu

Ký tên:

Mã lớp học phần: 25111MH110404801 Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: Lương Nguyễn Hoài Linh

Ký tên:

Giảng viên giảng dạy: Nguyễn Tiến Dũng

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Ngày thi: 06/11/2025

Giờ thi: 13h30

Phòng thi: PM 3

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ái	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100202	Hồ Huỳnh Thúy	Ái	18/09/2004					C24QT6	
2	2310100069	Nguyễn Tấn	Bảo	27/11/2005					C25QT1	
3	2310100040	Tăng Thị Hồng	Cầm	16/07/2004					C25QT2	
4	2310100005	Phạm Thị Phương	Dung	01/09/2005					C25QT1	
5	2310100084	Phạm Cẩm	Đạt	15/12/2003					C25QT3	
6	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ	Hải	11/04/2004					C25QT1	
7	2310100007	Trương Văn	Hiếu	01/01/2002					C25QT1	
8	2310100015	Phạm Nhật	Hồng	18/01/2005					C25QT1	
9	2310100017	Lý Quốc	Huy	15/07/2005					C25QT1	
10	2310100025	Phạm Thị Khánh	Ly	08/12/2005					C25QT1	
11	2310100001	Nguyễn Thị Thanh	Mơ	12/01/1999					C25QT1	
12	2310100008	Nguyễn Trọng	Nghĩa	05/02/2005					C25QT1	
13	2310100013	Lê Văn	Nhóc	28/02/2004					C25QT1	
14	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh	Như	15/02/2005					C25QT1	
15	2310100032	Lê Thị Ngọc	Quý	06/01/2005					C25QT1	
16	2310100022	Sơn Thị Sa	Rây	18/03/2005					C25QT1	
17	2310010016	Cao Yến	Tây	02/07/2005					C25QT1	
18	2310100029	Nguyễn Chí	Thành	30/11/2005					C25QT1	
19	2310100033	Lâm Phương	Thảo	27/2/2002					C25QT1	
20	2310100012	Danh Ngọc	Thom	25/08/2005					C25QT1	
21	2310100009	Nguyễn Thị Mộng	Thúy	13/10/2005					C25QT1	
22	2310100011	Nguyễn Nhật Minh	Thư	29/07/2003					C25QT1	
23	2310100021	Nguyễn Thị Anh	Thư	26/10/2005					C25QT1	
24	2310100014	Huỳnh Thanh	Thy	08/03/2005					C25QT1	
25	2310100028	Văn Thị Mai	Thy	26/11/2005					C25QT1	
26	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy	Tiên	17/08/2005					C25QT1	
27	2310100026	Trần Thị Thủy	Tiên	16/10/2005					C25QT1	
28	2310100019	Bùi Lê Ngọc	Trân	11/04/2005					C25QT1	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
29	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005					C25QT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 28 vắng thi: 1 Số bài thi/Số tờ: 28 / 28.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 7 tháng 11 năm 2025

Ngày 6 tháng 11 năm 2025

P. TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

(ký & ghi rõ họ tên)

Trần Thị Hoa.

Nguyễn Việt Dũng



BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BC CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ: 1 - Năm học 2025-2026

Môn học: Hành vi tổ chức

Mã bài thi: AT6H0C

Thời gian thi: 06/11/2025 13:30:00

Thời gian kết thúc: 06/11/2025 14:30:00

Giám thị 1: Túy Thu Ngọc Thủy Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Lưu Nguyễn Khắc Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2310100069	Nguyễn Tấn Bảo	27/11/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C25QT1	
2	2310100040	Tăng Thị Hồng Cẩm	16/07/2004	<u>[Signature]</u>	8.8	Tám, tám	C25QT2	
3	2310100084	Phạm Cẩm Đạt	15/12/2003	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C25QT3	
4	2310100005	Phạm Thị Phương Dung	01/09/2005	<u>[Signature]</u>	7	Bảy	C25QT1	
5	2310100030	Huỳnh Thị Mỹ Hải	11/04/2004	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C25QT1	
6	2310100007	Trương Văn Hiếu	01/01/2002	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C25QT1	
7	2310100015	Phạm Nhật Hồng	18/01/2005	<u>[Signature]</u>	5.6	Năm, sáu	C25QT1	
8	2310100017	Lý Quốc Huy	15/07/2005	<u>[Signature]</u>	4.6	Bốn, sáu	C25QT1	
9	2310100025	Phạm Thị Khánh Ly	08/12/2005	<u>[Signature]</u>	4.4	Bốn, bốn	C25QT1	
10	2310100001	Nguyễn Thị Thanh Mơ	12/01/1999	<u>[Signature]</u>	8.2	Tám, hai	C25QT1	
11	2310100008	Nguyễn Trọng Nghĩa	05/02/2005	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT1	
12	2310100013	Lê Văn Nhóc	28/02/2004	<u>[Signature]</u>	3	Ba	C25QT1	
13	2310100024	Đỗ Thị Huỳnh Như	15/02/2005	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT1	
14	2310100032	Lê Thị Ngọc Quý	06/01/2005	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT1	
15	2310100022	Sơn Thị Sa Rây	18/03/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C25QT1	
16	2310010016	Cao Yến Tây	02/07/2005	<u>[Signature]</u>	6.2	Sáu, hai	C25QT1	
17	2310100029	Nguyễn Chí Thành	30/11/2005	<u>[Signature]</u>	6.8	Sáu, tám	C25QT1	
18	2310100033	Lâm Phương Thảo	27/02/2002	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C25QT1	
19	2310100012	Danh Ngọc Thơm	25/08/2005	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C25QT1	
20	2310100011	Nguyễn Nhật Minh Thư	29/07/2003	<u>[Signature]</u>	7.6	Bảy, sáu	C25QT1	
21	2310100021	Nguyễn Thị Anh Thư	26/10/2005	<u>[Signature]</u>	6	Sáu	C25QT1	
22	2310100009	Nguyễn Thị Mộng Thúy	13/10/2005	<u>[Signature]</u>	5.8	Năm, tám	C25QT1	
23	2310100014	Huỳnh Thanh Thy	08/03/2005	<u>[Signature]</u>	7.2	Bảy, hai	C25QT1	
24	2310100028	Văn Thị Mai Thy	26/11/2005	<u>[Signature]</u>	5.4	Năm, bốn	C25QT1	
25	2310100026	Trần Thị Thủy Tiên	16/10/2005	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT1	
26	2310100016	Huỳnh Hoa Thủy Tiên	17/08/2005	<u>[Signature]</u>	6.4	Sáu, bốn	C25QT1	
27	2310100019	Bùi Lê Ngọc Trân	11/04/2005	<u>[Signature]</u>	5	Năm	C25QT1	
28	2310100020	Nguyễn Thị Thanh Tuyền	28/04/2005	<u>[Signature]</u>	6.6	Sáu, sáu	C25QT1	

Lưu ý:
- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.
Số sinh viên dự thi: 28 **Số sinh viên đạt: 27**

Ngày 7 tháng 11 năm 2025
TRƯỞNG KHOA/PHÒNG
(ký & ghi rõ họ tên)
[Signature]
Trần Thị Hoa

Ngày 6 tháng 11 năm 2025
GIẢNG VIÊN CHẤM THI
(ký & ghi rõ họ tên)
[Signature]
Nguyễn Đức Dũng